

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**TRƯƠNG QUANG DŨNG**

**THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ ĐỂ PHÁT TRIỂN  
CÔNG NGHIỆP TẠI TỈNH QUẢNG NGÃI**

Chuyên ngành : Kinh tế phát triển

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ**

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Bùi Quang Bình

**Đà Nẵng - Năm 2011**

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Quảng Ngãi là một tỉnh mới được tái lập năm 1989, nằm ở vùng duyên hải và nằm trong Vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung (VKTTĐMT), có nhiều lợi thế về vị trí địa lý, tiềm năng đất đai và con người. Xuất phát từ một tỉnh nông nghiệp là chính, trong những năm qua Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Quảng Ngãi đã có nhiều nỗ lực thực hiện các chương trình kinh tế- xã hội của địa phương; bước đầu đã đạt được những thành tựu nhất định trong việc ổn định sản xuất và đời sống của các tầng lớp nhân dân, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội. Trong chiến lược phát triển kinh tế-xã hội đến năm 2015 của tỉnh Quảng Ngãi, công nghiệp có vai trò rất quan trọng trong việc góp phần thiết thực làm tăng tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân, tạo nguồn thu cho NSNN, giải quyết công ăn việc làm cho người lao động, việc phát triển công nghiệp trong đó việc xây dựng các KCN tập trung, phát triển các cụm công nghiệp làng nghề, đa nghề được xác định là khâu đột phá để đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh từ Nông nghiệp - Công nghiệp - Dịch vụ sang Công nghiệp - Dịch vụ - Nông nghiệp là định hướng đúng đắn nhằm phấn đấu đến năm 2020 Quảng Ngãi cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp. Tuy nhiên, phát triển công nghiệp tại địa phương ở Quảng Ngãi còn tồn tại nhiều bất cập làm hạn chế sự phát triển công nghiệp nói riêng và phát triển kinh tế-xã hội nói chung mà nguyên nhân chính vẫn là nguồn vốn đầu tư.

Xuất phát từ những cơ sở lý luận và thực tiễn việc đi tìm lời giải cho bài toán phát triển công nghiệp ở địa phương để tạo đà thúc đẩy sự phát triển của các ngành kinh tế khác đang là một vấn đề bức thiết. Thu hút vốn đầu tư để phát triển công nghiệp tại địa phương cần thiết và rất quan trọng, nhưng ở Quảng Ngãi vẫn tương đối mới mẻ, chưa được quan tâm nghiên cứu đúng mức một cách có hệ thống.

Với đề tài "*Thu hút vốn đầu tư để phát triển công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi*" bản thân mong muốn góp phần tìm ra những giải pháp khả thi để đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp của tỉnh; phục vụ việc thực hiện các mục tiêu của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Đó là lý do nghiên cứu của đề tài.

### 2. Mục đích nghiên cứu

- Khái quát lý luận về vốn đầu tư, đầu tư vốn, các nguồn vốn đầu tư và vai trò của vốn đầu tư để phát triển công nghiệp nói chung và phát triển công nghiệp tại địa phương nói riêng để hình thành khung nội dung nghiên cứu cho đề tài.

- Xác định những tồn tại cùng các nguyên nhân trong thu hút vốn đầu tư vào phát triển công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi.

- Đưa ra được các giải pháp để thu hút vốn đầu tư vào phát triển công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi.

### 3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng: hoạt động thu hút vốn đầu tư;

- Phạm vi: trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi trong giai đoạn 2000-2010.

### 4. Phương pháp nghiên cứu

Sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu như phân tích thống kê, so sánh, mô tả, khái quát, đánh giá, diễn giải, ... trong khảo cứu tài liệu cũng như phân tích tình hình thực tế thu hút đầu tư từ đó hình thành các giải pháp cho công tác này.

### 5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Hệ thống hoá và làm rõ lý luận cơ bản về bản chất, nội dung, vai trò quyết định của vốn đầu tư đối với sự phát triển kinh tế nói chung và phát triển công nghiệp tại địa phương nói riêng trong quá trình CNH-HĐH.

Phân tích thực trạng thu hút vốn đầu tư để phát triển công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2000-2010; làm rõ quan hệ tác động của các việc phát triển công nghiệp địa phương tới sự phát triển công nghiệp quy mô lớn, hiện đại và phát triển công nghiệp truyền thống, công nghiệp nông thôn. Góp phần đánh giá vai trò của chính quyền địa phương trong quá trình hoạch định, thực thi, đánh giá việc thu hút vốn đầu tư để phát triển công nghiệp của tỉnh.

Xây dựng các quan điểm phương hướng và đề xuất các giải pháp đẩy mạnh thu hút nguồn vốn đầu tư để phát triển công nghiệp phù hợp với tình hình cụ thể của tỉnh Quảng Ngãi trong giai đoạn 2011-2020; Đưa ra những kiến nghị để góp phần hoàn thiện chính sách của Đảng và Nhà nước nhằm tăng cường thu hút vốn đầu tư để phát triển công nghiệp nói chung, công nghiệp ở các địa phương trong quá trình CNH-HĐH.

Kết quả nghiên cứu của luận văn có thể làm tài liệu tham khảo cho các cơ quan hoạch định chính sách và cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh Quảng Ngãi và một số tỉnh khác.

## **6. Kết cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, mục lục, phụ lục, danh mục tài liệu tham khảo. Luận văn kết cấu thành 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận thu hút vốn đầu tư phát triển công nghiệp.

Chương 2: Thực trạng về thu hút vốn đầu tư để phát triển công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi.

Chương 3: Những giải pháp nhằm tăng cường thu hút vốn đầu tư để phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Đây là lĩnh vực nghiên cứu tương đối rộng và cũng là lĩnh vực mà tỉnh Quảng Ngãi rất quan tâm. Đồng thời với năng lực về thực tiễn và thời gian còn ít nhiều hạn chế nên quá trình nghiên cứu không thể tránh khỏi các những thiếu sót, rất mong nhận được ý kiến đóng góp của quý thầy, cô và các bạn.

## CHƯƠNG 1

# CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP

### 1.1 TỔNG QUAN VỀ VỐN ĐẦU TƯ

#### 1.1.1 Những khái niệm cơ bản về hoạt động đầu tư

##### 1.1.1.1 Khái niệm về đầu tư

- Ngân hàng Thế giới xem dự án đầu tư là tổng thể các chính sách, hoạt động và chi phí liên quan với nhau, được hoạch định nhằm đạt những mục tiêu nhất định, trong một thời gian nhất định.

##### 1.1.1.2 Khái niệm về vốn đầu tư

*Vốn là chìa khoá, là điều kiện tiên quyết của mọi quá trình phát triển của bất kỳ chủ thể kinh tế nào và ngay cả một quốc gia, nhất là các nước đang phát triển và đặc biệt đối với nền kinh tế chuyển đổi như nước ta hiện nay.*

Trong phạm vi toàn bộ nền kinh tế quốc dân, vốn đầu tư cho hoạt động kinh tế là rất lớn và đa dạng. Vốn đầu tư không chỉ tạo lập tài sản trực tiếp sản xuất ra sản phẩm hàng hoá, dịch vụ mà còn bao gồm hệ thống kết cấu hạ tầng, các công trình công cộng phục vụ các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Vốn đầu tư không chỉ tạo lập những tài sản tồn tại dưới trạng thái vật chất hay hữu hình, như máy móc, thiết bị, công trình kiến trúc, nguyên vật liệu... mà còn dưới dạng phi vật chất hay vô hình như các phát minh, sáng chế, các giải pháp hữu ích. Ngoài ra, vốn đầu tư còn tạo lập các tài sản tài chính như cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi....

Vậy, vốn đầu tư là toàn bộ nguồn lực tài chính (là các khoản tiết kiệm của các tầng lớp dân cư, các tổ chức kinh tế và kể cả số tiết kiệm của nhà nước...) được huy động và sử dụng vào mục đích thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội.

##### 1.1.1.3 Khái niệm về thu hút vốn đầu tư

Thu hút vốn đầu tư là các hoạt động khai thác các nguồn lực tài chính nhằm tài trợ vốn cho các dự án đầu tư phát triển của các chủ thể kinh tế.

Như vậy, thu hút vốn đầu tư ở đây được hiểu là thu hút vốn đầu tư trực tiếp, và kết quả cuối cùng phải hình thành cơ sở sản xuất hàng hóa và dịch vụ trong nền kinh tế.

#### 1.1.2 Vai trò của vốn đầu tư trong nền kinh tế

##### 1.1.2.1 Đối với nền kinh tế

- *Tốc độ tăng đầu tư và tốc độ tăng trưởng kinh tế:*
- *Tác động của vốn đầu tư đến cân bằng kinh tế vĩ mô:*
- *Tác động của vốn đến việc phát triển cơ sở hạ tầng (CSHT) và chuyển dịch cơ cấu kinh tế:*
- *Mối quan hệ giữa cơ cấu đầu tư và tốc độ tăng trưởng kinh tế:*

##### 1.1.2.2 Đối với các đơn vị kinh tế

Vốn là nhân tố tiên đề cho sự ra đời, tồn tại và phát triển của từng đơn vị kinh tế. Đối với doanh nghiệp, vốn kinh doanh được xem như là khối lượng giá trị được tạo lập ra và đưa vào kinh doanh nhằm mục đích sinh lời.

Vốn vừa là nhân tố đầu vào, vừa là kết quả phân phối thu nhập đầu ra của quá trình đầu tư.

## **1.2 THU HÚT CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ**

### **1.2.1 Thu hút vốn đầu tư trong nước**

#### **1.2.1.1 Nguồn vốn từ ngân sách nhà nước**

Vốn đầu tư từ NSNN được hình thành từ vốn tích lũy của nền kinh tế, và quy mô của nó tùy thuộc vào chính sách tiết kiệm và tiêu dùng của chính phủ. Vốn đầu tư thuộc NSNN thông thường tài trợ cho các dự án đầu tư công, tức là những dự án nhằm tạo ra những hàng hoá, dịch vụ công.

#### **1.2.1.2 Nguồn vốn đầu tư của các doanh nghiệp**

Vốn đầu tư của các doanh nghiệp thường được hình thành từ thu nhập của doanh nghiệp còn lại, sau khi thực hiện nghĩa vụ thuế, chính sách cổ tức và nguồn khấu hao tài sản của doanh nghiệp. Nguồn vốn này ngày càng có vai trò to lớn và ý nghĩa quan trọng trong việc tái đầu tư, tác động trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng kinh tế.

#### **1.2.1.3 Tiết kiệm của dân cư**

Tiết kiệm của khu vực dân cư thông thường là khoản thu nhập còn lại, sau khi sử dụng cho mục đích tiêu dùng hiện tại, và cũng có thể là các khoản để dành cho nhu cầu tương lai của các cá nhân, hộ gia đình hoặc các khoản dự phòng khi ốm đau, tai nạn...

### **1.2.2 Thu hút vốn đầu tư ngoài nước**

#### **1.2.2.1 Viện trợ phát triển chính thức (ODA)**

Vốn viện trợ phát triển chính thức (ODA) là nguồn vốn do Chính phủ các nước, các tổ chức tài chính quốc tế như Ngân hàng Thế giới (WB), Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) và các tổ chức quốc tế tài trợ thông qua hình thức viện trợ không hoàn lại, hoặc cho vay với lãi suất thấp, thậm chí không có lãi.

#### **1.2.2.2 Tài trợ của các tổ chức phi chính phủ (NGO)**

Trước đây, viện trợ của các tổ chức phi Chính phủ chủ yếu là cho các nhu cầu nhân đạo như nhu cầu cung cấp thuốc men, lương thực, quần áo cho nạn nhân bị thiên tai, dịch bệnh, địch họa...Hiện nay, hình thức viện trợ này đã thay đổi chính sách chuyển dần từ viện trợ nhân đạo sang hỗ trợ cho việc phát triển các công trình cơ sở hạ tầng có quy mô vừa và nhỏ.

#### **1.2.2.3 Vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI)**

Ở Việt Nam, theo Luật đầu tư nước ngoài đầu tư trực tiếp nước ngoài có các hình thức sau đây:

- Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài:
- Doanh nghiệp liên doanh:
- Hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh:
- Các hình thức khác:

## **1.3 TỔNG QUAN VỀ THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP**

### **1.3.1. Khái niệm về thu hút vốn đầu tư**

Thu hút vốn đầu tư là các hoạt động hay chính sách của chủ thể ở các địa phương hay lãnh thổ (như các cơ quan chính phủ hay chính quyền, cộng đồng doanh nghiệp và dân cư địa phương hay vùng lãnh thổ) nhằm xúc tiến, kêu gọi tạo điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư bỏ vốn thực hiện các dự án đầu tư (thực hiện hoạt

động đầu tư vốn) hình thành vốn sản xuất trong các lĩnh vực kinh tế xã hội trên địa bàn của mình.

Thu hút vốn đầu tư có nghĩa là làm gia tăng sự chú ý và quan tâm của các nhà đầu tư qua sự phát triển và xúc tiến các dự án đầu tư cụ thể có thể đem lại những lợi ích thương mại cho các nhà đầu tư

### **1.3.2 Các chính sách thu hút vốn đầu tư**

#### **1.3.2.1 Chính sách marketing địa phương để thu hút vốn đầu tư phát triển công nghiệp**

##### *(1) Chính sách quảng bá hình ảnh địa phương*

Hình ảnh địa phương đặc biệt những hình ảnh về công nghiệp của ở địa phương có tác động mạnh tới các nhà đầu tư. Hình ảnh công nghiệp ở địa phương là tổng hợp những niềm tin, ý tưởng và ấn tượng mà người ta có về công nghiệp ở địa phương. Hình ảnh công nghiệp tiêu biểu cho sự đơn giản hóa phần lớn những liên hệ và các mẫu thông tin gắn liền với công nghiệp ở địa phương.

Chính sách quảng bá công nghiệp khi được chú ý lồng ghép sẽ làm cho hình ảnh địa phương trở nên quen thuộc với mọi người.

##### *(2) Chính sách xúc tiến thu hút đầu tư*

Xúc tiến đầu tư là các biện pháp để giới thiệu, quảng cáo cơ hội đầu tư với bên ngoài, các cơ quan xúc tiến đầu tư địa phương thường tổ chức các đoàn tham quan, khảo sát ở các địa phương khác và nước ngoài; tham gia, tổ chức các hội thảo khoa học, diễn đàn đầu tư, kinh tế ở khu vực và quốc tế.

Công tác xúc tiến đầu tư phải được tiến hành đồng bộ với công tác quảng bá hình ảnh địa phương và du lịch địa phương mới có hiệu quả. Và dường như nhiều khi hai mảng công việc này xen với nhau và trùng với nhau.

##### *(3) Chính sách hỗ trợ đầu tư*

Chính sách hỗ trợ đầu tư là các hoạt động cần thiết và tiếp theo các bước trên. Đây là những hoạt động giúp cho nhà đầu tư triển khai dự án sau khi đã quyết định đầu tư. Các mức ưu đãi tài chính - tiền tệ dành cho vốn đầu tư trước hết phải bảo đảm cho các chủ đầu tư tìm kiếm được lợi nhuận cao nhất trong điều kiện kinh doanh chung của khu vực, của mỗi nước; đồng thời nó còn khuyến khích họ đầu tư vào những nơi mà Chính phủ muốn khuyến khích đầu tư.

#### **1.3.2.2 Chính sách thu hút các nguồn vốn đầu tư**

Chính sách thu hút vốn đầu tư là một bộ phận cấu thành của hệ thống chính sách có ảnh hưởng quyết định đến chính sách đầu tư phát triển kinh tế, đồng thời nó còn có tác động chi phối các quan hệ tích lũy, tiêu dùng, tiết kiệm và đầu tư trong phạm vi toàn xã hội. Các chính sách bao gồm:

##### *(1) Bảo đảm môi trường kinh doanh thuận lợi*

Đây là điều kiện tiên quyết nhằm giảm thiểu những rủi ro của vốn đầu tư vượt khỏi sự kiểm soát của chủ đầu tư.

##### *(2) Chính sách phát triển cơ sở hạ tầng*

Sự phát triển của cơ sở hạ tầng kinh tế của một quốc gia và một địa phương tiếp nhận đầu tư luôn là điều kiện vật chất hàng đầu để các chủ đầu tư có thể nhanh chóng thông qua các quyết định và triển khai thực tế các dự án đầu tư đã cam kết. Một tổng thể hạ tầng phát triển phải bao gồm một hệ thống giao thông vận tải đồng bộ và hiện đại; một hệ thống thông tin liên lạc viễn thông với các phương tiện nghe – nhìn

hiện đại; hệ thống điện, nước đầy đủ và phân bổ tiện lợi cho các hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như đời sống xã hội; một hệ thống mạng lưới cung cấp các loại dịch vụ phát triển rộng khắp, đa dạng và có chất lượng cao.

*(3) Phát triển của đội ngũ lao động, của trình độ khoa học – công nghệ và hệ thống doanh nghiệp trong nước và trên địa bàn*

Đội ngũ nhân lực có tay nghề cao là điều kiện rất quan trọng để một nước và địa phương vượt qua được những hạn chế về tài nguyên thiên nhiên và trở nên hấp dẫn các nhà đầu tư. Việc thiếu các nhân lực kỹ thuật lành nghề, các nhà lãnh đạo, các nhà quản lý cao cấp, các nhà doanh nghiệp tài ba và sự lạc hậu về trình độ khoa học – công nghệ sẽ khó lòng đáp ứng được các yêu cầu của nhà đầu tư để triển khai các dự án của họ, làm chậm và thu hẹp lại dòng vốn đầu tư.

### **1.3.3 Các tiêu chí phản ánh thu hút vốn đầu tư phát triển công nghiệp**

Tình hình thu hút vốn đầu tư vào phát triển công nghiệp được thể hiện ở các tiêu chí sau:

- (1) Số lượng các dự án và quy mô vốn thu hút được vào công nghiệp
- (2) Số lượng vốn thực hiện trong ngành
- (3) Danh mục các nguồn vốn đầu tư vào công nghiệp
- (4) Trình độ công nghệ của các dự án đầu tư

### **1.3.4 Các điều kiện để thu hút vốn đầu tư phát triển công nghiệp**

*(1) Lợi thế về tài nguyên thiên nhiên*

Đối với một địa phương thì vị trí địa lý có thuận lợi cho hoạt động kinh doanh hay không, nguồn tài nguyên khoáng sản có dồi dào, đa dạng và phong phú hay không, đều có tác động đến vốn đầu tư của địa phương đó. Những địa phương có đầy đủ tiềm năng và lợi thế nêu trên thì khả năng thu hút vốn đầu tư sẽ thuận lợi hơn, tốt hơn các địa phương khác có ít hoặc không có những tiềm năng và lợi thế đó.

*(2) Sự phát triển công nghiệp trên địa bàn*

Hoạt động công nghiệp trên địa bàn phát triển chứng tỏ các doanh nghiệp có dự án đầu tư trong quá khứ đã đi vào hoạt động có hiệu quả. Điều này chứng tỏ những quyết định đầu tư trước đây đang đúng.

*(3) Sự thân thiện của cộng đồng dân cư địa phương*

Thái độ dân cư của địa phương sẽ là điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi đã triển khai dự án đầu tư. Sự thân thiện sẽ bảo đảm cho bảo đảm cho dự án các điều kiện cả đầu vào và đầu ra.

## **1.4 KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG VỀ THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP**

### **1.4.1 Thu hút vốn đầu tư phát triển công nghiệp tỉnh Đồng Nai**

#### **1.4.1.1 Tính năng động và sáng tạo của chính quyền tỉnh Đồng Nai**

Ngay từ những năm 1989 - 1990, trong khi cơ chế chính sách cả nước chưa thực sự mở cửa thì tỉnh Đồng Nai đã cử đoàn cấp cao do Bí thư Tỉnh ủy dẫn đầu đi nghiên cứu khu công nghiệp ở Đài Loan. Đây được coi là bước đi tiên phong, làm cơ sở cho việc thu hút mạnh đầu tư nước ngoài từ năm 1991 cho đến nay.

#### **1.4.1.2 Tỉnh đã biết khai thác tốt lợi thế vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên.**

Đây có thể được coi là lợi thế rất quan trọng của tỉnh để thu hút đầu tư. Đồng Nai vừa nằm ở trung tâm của vùng kinh tế động lực phía Nam, vừa gần với các trung tâm kinh tế lớn như: Thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Lâm Đồng... đặc

biệt là Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời, lại có điều kiện tự nhiên khá thuận lợi như: địa hình tương đối bằng phẳng, khí tượng điều hòa, thủy văn thuận lợi, đất đai, thổ nhưỡng đa dạng, tài nguyên khoáng sản tương đối phong phú...

#### ***1.4.1.3 Việc hình thành các cơ sở công nghiệp ở địa bàn tỉnh đã có từ lâu***

Đồng nai có các quan hệ thương mại lâu đời với các nước trong khu vực và trên thế giới, điều này đã giúp cho việc khai thác các nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài được thuận lợi.

#### ***1.4.1.4 Thực hiện chuyển đổi cơ cấu kinh tế gắn với quy hoạch và phát triển các khu công nghiệp, thu hút vốn đầu tư nước ngoài***

Đồng Nai đã sớm xây dựng các khu công nghiệp nhằm thu hút các nhà đầu tư, đồng thời phát triển làng nghề truyền thống. Tổng vốn đầu tư nước ngoài theo vốn đăng ký từ 1988 đến hết năm 2002 của Đồng Nai là 4.242,4 triệu USD, đứng thứ 3 của cả nước sau Thành phố HCM và Hà Nội.

### **1.4.2 Thu hút vốn đầu tư để phát triển công nghiệp tỉnh Bình Dương**

#### ***1.4.2.1 Chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp hiện đại***

Các khu công nghiệp được quy hoạch hiện đại, có hạ tầng công nghiệp đồng bộ và hoàn chỉnh, có hệ thống giao thông thuận lợi, kết nối.

Nhằm tăng sự thu hút đầu tư; hiện nay địa phương này đang tập trung hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật, đẩy nhanh tiến độ thi công các khu công nghiệp mới để phát triển công nghiệp ra các huyện phía bắc của tỉnh .

#### ***1.4.2.2 Thực hiện chiến lược xúc tiến đầu tư hiệu quả***

Chính quyền địa phương thể hiện sự trọng thị đối với các doanh nghiệp thông qua các hoạt động xúc tiến đầu tư tích cực, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, các nhà đầu tư nước ngoài tìm hiểu môi trường đầu tư tại Bình Dương.

#### ***1.4.2.3 Thực hiện chiến lược thu hút đầu tư hợp lý, hiệu quả***

Bình Dương rất quan tâm thu hút các dự án đầu tư có mức vốn nhỏ và trung bình, các dự án nhỏ được thẩm định thận trọng nhưng rất tích cực nên tỷ lệ giải ngân tốt.

### **1.4.3 Bài học kinh nghiệm cho tỉnh Quảng Ngãi**

*Thứ nhất*, chính sách thu hút vốn đầu tư để phát triển công nghiệp của Quảng Ngãi không thể tách rời với chính sách thu hút vốn đầu tư để phát triển công nghiệp của quốc gia.

*Thứ hai*, chính sách thu hút vốn đầu tư để phát triển công nghiệp tại Quảng Ngãi phải dựa trên lợi thế so sánh. Trong đó, lợi thế về vị trí địa lý được đánh giá cao. Việc phát triển công nghiệp vẫn là chính sách ưu tiên trong phát triển kinh tế vùng và địa phương.

*Thứ ba*, Chính sách thu hút vốn đầu tư để phát triển công nghiệp tại Quảng Ngãi phải trên cơ sở khai thác các nguồn lực của địa phương, đồng thời phải thu hút được các nguồn lực của các vùng và địa phương khác (trong và ngoài nước) vào phát triển công nghiệp .

*Thứ tư*, Chính sách thu hút vốn đầu tư để phát triển công nghiệp của Quảng Ngãi đi sau cần hướng tới thu hút các ngành có công nghệ cao, tiên tiến, tránh trở thành nơi thu hút “công nghiệp rác thải” của các đô thị hoặc khu vực kinh tế lớn gần đó.



*Thứ năm*, chính sách thu hút vốn đầu tư để phát triển công nghiệp tại Quảng Ngãi không chỉ thu hút các nhà đầu tư từ bên ngoài vào mà còn là sự khuyến khích đầu tư, phát triển kinh doanh của mọi thành phần kinh tế nội tại dân cư trong vùng.

## CHƯƠNG II

# THỰC TRẠNG VỀ THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ ĐỂ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI

## 2.1. ĐẶC ĐIỂM ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÌNH HÌNH KINH TẾ- XÃ HỘI TỈNH QUẢNG NGÃI

### 2.1.1 Đặc điểm điều kiện tự nhiên

Quảng Ngãi nằm ở miền Nam Trung bộ, có nhiều núi đồi cao, gò, thung lũng và biển cả chia làm các miền riêng biệt. Miền núi chiếm gần bằng 2/3 diện tích. Miền đồng bằng: đất đai phần lớn là phù sa nhiều cát, đất xấu. Phía Bắc giáp tỉnh Quảng Nam, phía Nam giáp tỉnh Bình Định, phía Tây giáp tỉnh Kon Tum, phía Đông giáp biển Đông.

### 2.1.2 Tình hình kinh tế xã hội của tỉnh Quảng Ngãi

Tăng trưởng kinh tế theo xu hướng tăng lên liên tục và đặc biệt năm 2009 tốc độ tăng đột biến 21% khi Nhà máy lọc dầu Dung Quất đi vào hoạt động, nhớ rằng năm 2008-2009 khi kinh tế thế giới rơi vào khủng hoảng khiến kinh tế của các địa phương đều suy giảm.

Tỷ trọng của ngành nông nghiệp giảm dần từ gần 44.98% năm 1999 xuống 22.97% năm 2010 tức giảm tới hơn 22%. Tỷ trọng của công nghiệp xây dựng đã tăng đáng kể từ 19.34% năm 1999 lên 45.3% năm 2010 tăng gần 24%. Ngành dịch vụ có tỷ lệ cũng giảm dần từ 35.68% năm 1999 giảm còn 31.73% năm 2010.

### 2.1.3 Tình hình hạ tầng cơ sở của Quảng Ngãi

Quảng Ngãi có hệ thống giao thông khá đồng bộ bao gồm cả đường bộ, đường sắt, đường biển và đường hàng không.

Ngoài ra, với bờ biển dài 144 km, Quảng Ngãi có nhiều cửa biển, cảng biển nhỏ như: Sa Kỳ, Sa Cần, Bình Châu, Mỹ Á,... có tiềm năng về giao thông đường thủy, thương mại và du lịch.

Các khu công nghiệp và kinh tế với một loạt các khu công nghiệp như Quảng Phú, Tịnh Phong và Phổ Phong đã được tỉnh đầu tư khá hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng sẽ là điều kiện để thu hút vốn cho phát triển công nghiệp. Khu kinh tế Dung Quất đã hoàn thiện về cơ bản và Nhà máy lọc dầu đã đi vào hoạt động sẽ tạo ra sức hút nguồn đầu tư vào công nghiệp Quảng Ngãi.

## 2.2 TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TỈNH QUẢNG NGÃI

### 2.2.1 Tăng trưởng sản xuất công nghiệp

Trong 10 năm qua, giá trị gia tăng (VA) của ngành công nghiệp luôn tăng trưởng, so với tốc độ tăng VA của 2 ngành nông nghiệp và dịch vụ công nghiệp phát triển nhanh hơn nhiều. Năm thấp nhất đạt tốc độ tăng trưởng là 3.5% năm 2001, và năm 2009 đạt tăng trưởng 47%. Trung bình thời kỳ là 21% năm. Sự phát triển nhanh này của ngành đã đóng góp lớn vào sự tăng trưởng kinh tế GDP chung của tỉnh.

Giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi tăng nhanh nhưng biến động mạnh, trung bình khoảng 30% năm nhưng năm 2009 khi Nhà máy lọc dầu

Dung Quất đi vào hoạt động thì tăng trưởng năm đó là 144% sau đó trở lại bình thường là 18% năm 2010.

### **2.2.2 Chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp**

Công nghiệp khai thác giảm dần tỷ trọng vì thực chất Quảng Ngãi là địa phương không nhiều tài nguyên. Công nghiệp chế biến đã phát triển mạnh nhất là năm 2009 với sự kiện Nhà máy lọc dầu Dung Quất đã khiến cơ cấu của ngành này tăng từ 95% lên tới 97.6% khiến cho ngành này càng chiếm tỷ trọng tuyệt đối. Sự thay đổi này không chỉ thay đổi về cơ cấu mà còn chất lượng công nghệ của ngành công nghiệp.

### **2.2.3 Tình hình hoạt động của các cơ sở sản xuất công nghiệp**

Sự tăng trưởng giá trị gia tăng và giá trị sản xuất của ngành công nghiệp ở tỉnh Quảng Ngãi trong thời gian quan như nói phần trên rất đáng chú ý. Nếu quan sát số liệu ở bảng 2.2 có thể thấy sự thay đổi này đã theo chiều sâu. Số lượng cơ sở sản xuất không tăng và gần như ổn định chủ yếu ở khu vực trong nước và cơ sở cá thể và tiểu chủ. Khu vực kinh tế nhà nước và tập thể chiếm tỷ trọng không nhiều nhưng quy mô sản xuất lớn hơn.

Trong công nghiệp ngoài loại hình cơ sở sản xuất nhỏ của hộ gia đình có quy mô sản xuất nhỏ thì các doanh nghiệp có quy mô và hiệu quả kinh doanh tốt hơn. Chúng ta sẽ xem xét các chỉ tiêu cơ bản của các doanh nghiệp.

Số liệu cho thấy các doanh nghiệp đều hoạt động có hiệu quả và đóng góp thuế nhiều cho nhà nước. Điều này cũng có nghĩa là đầu tư của các doanh nghiệp ở Quảng Ngãi có hiệu quả. Doanh thu trung bình thay đổi khác nhau theo thời gian, nếu năm 2006 doanh thu / doanh nghiệp là 7.79 tỷ, năm 2007 là 9,6 tỷ và năm 2008 giảm còn 7 tỷ đồng. Lợi nhuận và thuế giảm dần ở các năm sau.

## **2.3 THỰC TRẠNG VỐN ĐẦU TƯ ĐƯỢC THU HÚT VÀO PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN QUẢNG NGÃI**

### **2.3.1 Tình hình vốn đầu tư thu hút được vào phát triển công nghiệp ở tỉnh Quảng Ngãi**

Là một tỉnh nghèo, chưa cân đối được thu, chi NSNN; nguồn vốn đầu tư phát triển của Quảng Ngãi trong những năm qua còn rất hạn chế. Mâu thuẫn giữa nhu cầu và khả năng về nguồn vốn đầu tư là vấn đề bức xúc, hơn nữa với xuất phát điểm về kinh tế còn thấp, cơ sở hạ tầng còn thiếu và yếu, việc thu hút vốn đầu tư từ bên ngoài là rất khó khăn. Chính điều này công tác thu hút đầu tư phát triển công nghiệp ngày càng quan trọng hơn.

Bảng 2.4 Tình hình vốn đầu tư thu hút vào công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi

	2005	2006	2007	2008	2009	2010
Tổng số (tỷ)	5951	9819	21610	24470	16390	20440
% so với GDP thực tế của tỉnh	90.6	121.3	214.4	184.8	89.2	79.9

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Quảng Ngãi( Niên giám thống kê tỉnh Quảng Ngãi 2010 )

Tổng số vốn được thu hút vào tăng nhanh chóng từ 2005 là 5951 tỷ tăng 9819 tỷ năm 2006 cao nhất 2008 hơn 24 ngàn tỷ năm 2009 có giảm nhưng năm 2010 có tăng trở lại lên hơn 20 ngàn tỷ đồng. Sự gia tăng vốn này rất đáng kể với tỉnh nhưng cũng phải thấy đây là mức cao nhờ có hỗ trợ của Trung ương qua các công trình của quốc gia (sẽ làm rõ ở phần sau).

## **2.3.2 Các nguồn vốn đầu tư đã thu hút được**

### **2.3.2.1 Nguồn vốn đầu tư theo cấp quản lý**

Tỷ trọng nguồn vốn của Trung ương vẫn chiếm tỷ lệ lớn hơn của địa phương tuy có thay đổi khác nhau, nhưng tình hình chung nguồn từ Trung ương vẫn chiếm đa số.

### **2.3.2.2 Nguồn vốn theo cấu thành**

#### **2.3.2.3 Vốn theo thành phần kinh tế**

Vốn theo sở hữu thu hút được trong những năm qua vào công nghiệp Quảng Ngãi chỉ thấy tỷ trọng của khu vực nhà nước chiếm tỷ trọng đa số và được duy trì liên tục trên 65% tức gần 2/3 tổng số vốn. Nghĩa là khu vực ngoài nhà nước chỉ chiếm khoảng 35% hay 1/3 số vốn đầu tư vào công nghiệp.

#### **2.3.2.4 Cơ cấu vốn đầu tư theo doanh nghiệp**

Các doanh nghiệp đầu tư chủ yếu chỉ khoảng từ 1 tới 5 tỷ đồng, số doanh nghiệp này chiếm tới 63,9%. Từ 5 tới 10 tỷ đồng chỉ chiếm 5.6%, từ 10 tỷ tới 50 tỷ chiếm chỉ 4,4%, và chỉ có 1% doanh nghiệp đầu tư 50 tới 200 tỷ và trên 200 tỷ chỉ có 0.2%.

## **2.4 TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP QUẢNG NGÃI**

### **2.4.1 Chính sách marketing địa phương để thu hút vốn đầu tư phát triển công nghiệp**

#### **2.4.1.1 Chính sách quảng bá hình ảnh địa phương**

Quảng Ngãi trong những năm qua đã chú trọng thực hiện quảng bá hình ảnh của mình đặc biệt là hình ảnh công nghiệp. Thuận lợi lớn nhất mà Quảng Ngãi có được chính là khi Nhà máy lọc dầu Bình Sơn đi vào hoạt động. Sự kiện này đã được giới thông tin truyền thông quan tâm đưa tin và nhờ đó hình ảnh một khu công nghiệp hiện đại bậc nhất Việt Nam luôn được quan tâm.

#### **2.4.1.2 Hoạt động xúc tiến thu hút đầu tư**

Trong những năm qua Tỉnh Quảng Ngãi đã thực hiện nhiều hoạt động xúc tiến thu hút đầu tư cho phát triển công nghiệp.

Chính sách đã tạo ra sức bật mới trong thu hút đầu tư vào các KCN tập trung, tăng nguồn vốn mở rộng sản xuất trong các làng nghề, các CCN vừa và nhỏ. Mức tăng giá trị sản xuất công nghiệp giai đoạn này tăng cao, tạo ra sự phát triển đột phá của nền kinh tế .

#### **2.4.1.3 Chính sách hỗ trợ đầu tư**

Trong những năm qua, khi các nhà đầu tư triển khai dự án đầu tư vào phát triển công nghiệp, tỉnh đã có nhiều chính sách hỗ trợ cho các nhà đầu tư như.

Giảm thiểu thời hạn giải quyết thủ tục hành chính. Trong nhiều trường hợp giấy phép được cấp trong ngày. Đây là hoạt động hỗ trợ đầu tư rất thiết thực.

### **2.4.2 Chính sách thu hút vốn đầu tư vào công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi**

Trong những năm qua, chính sách thu hút vốn đầu tư để phát triển công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi đã mang lại những tiến bộ vượt bậc về kinh tế và đặc biệt là chuyên dịch cơ cấu ngành công nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh. Ngành công nghiệp được thúc đẩy phát triển thông qua đầu tư mở rộng, tăng năng lực sản xuất, tập trung vào một số nhóm sản phẩm chủ lực có lợi thế so sánh, các ngành nghề có tính truyền thống, phát triển làng nghề, khai thác kinh nghiệm sản xuất, kinh doanh và lợi thế về

vị trí địa lý, tăng cơ hội về mở rộng thị trường của vùng kinh tế trọng điểm. Ngoài các chính sách trên thì tỉnh còn thực hiện.

#### **2.4.2.1 Cải thiện môi trường kinh doanh của tỉnh**

Phát huy vai trò của doanh nhân trong thời kỳ CNH-HĐH và hội nhập quốc tế, có chính sách giải pháp để phát triển đội ngũ doanh nhân. Trong đó, điều mà giới doanh nhân quan tâm hướng đến là phát triển đến môi trường kinh doanh, tiếp tục hoàn thiện được môi trường kinh doanh bình đẳng ở Tỉnh nhà.

Chính nhờ có những chính sách đó mà trong những năm qua, môi trường kinh doanh đã tạo điều kiện cho ra đời hàng trăm nghìn doanh nghiệp, doanh nhân và phát triển với tốc độ nhanh chóng.

#### **2.4.2.2 Chính sách đào tạo nghề và cung ứng lao động**

Phát triển nguồn nhân lực là nhiệm vụ đột phá của tỉnh Quảng Ngãi, vừa có tính cấp bách vừa có tính chiến lược, nhằm xây dựng lực lượng lao động có phẩm chất và năng lực ngày càng cao, có cơ cấu ngành nghề hợp lý.

### **2.4.3 Đánh giá các chính sách thu hút vốn đầu tư vào công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi**

#### **2.4.3.1 Tính kinh tế của chính sách**

Trên cơ sở phân tích, đánh giá nguồn lực hiện có, các chính sách thu hút vốn đầu tư để phát triển công nghiệp của tỉnh đảm bảo tính kinh tế, thể hiện sự phù hợp và đáp ứng các mục tiêu đề ra tương ứng với nguồn lực trong từng giai đoạn.

- Giai đoạn 2001 - 2005: Đây là giai đoạn ban hành các chính sách đột phá phát triển công nghiệp nhằm thu hút các nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài, đồng thời đẩy mạnh sự phát triển các doanh nghiệp hiện có.

- Giai đoạn 2006 - 2010: Đây là giai đoạn rà soát, điều chỉnh các chính sách nhằm thích ứng với sự phát triển của giai đoạn mới, các KCN tập trung đã có tỷ lệ lấp đầy trên 60%, đang tiến hành mở rộng sang giai đoạn 2 của quá trình đầu tư.

#### **2.4.3.2 Tính hiệu quả của chính sách**

Những lợi thế về vị trí địa lý, về tiềm năng thiên nhiên và con người đã được phát huy trong quá trình hoạch định chính sách. Ngay từ khi thực hiện công tác quy hoạch các KCN, CCN đã chú ý đến phát huy lợi thế về vị trí địa lý, kết hợp hài hòa với phát triển không gian kiến trúc đô thị. Công nghiệp Quảng Ngãi được hình thành đã có lợi thế cạnh tranh, vị trí thuận lợi nhất cho thu hút các nguồn vốn đầu tư. Tốc độ phát triển nhanh của công nghiệp, thu hút thành công nguồn vốn FDI là thể hiện thành công của chính sách này.

#### **2.4.3.3 Tính hiệu lực của chính sách**

Hiệu lực của chính sách được thể hiện bởi tính thực thi, tuân thủ trong quá trình triển khai thực hiện, cũng thể hiện bởi các kết quả đã đạt được vượt các mục tiêu đã đề ra. Chính sách đã tạo ra sức hút các nguồn vốn của các thành phần kinh tế từ ngoài tỉnh, đồng thời phát huy các nguồn vốn nội tại từ địa phương.

#### **2.4.3.4 Tính tác động ảnh hưởng của chính sách**

Chính sách thu hút vốn đầu tư để phát triển công nghiệp không tách rời với chính sách khoa học công nghệ.

Chính sách công nghiệp còn tác động tạo sự đổi mới trong công nghiệp truyền thống, thúc đẩy tăng năng xuất lao động, khẳng định thương hiệu của các sản phẩm

truyền thông, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động, tăng thu nhập, đẩy nhanh tốc độ đô thị hoá, phát triển giáo dục đào tạo nghề,...

Chính sách góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tác động tới sự nhìn nhận của các cấp chính quyền địa phương với vấn đề môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống.

#### **2.4.3.5 Tính khả thi của chính sách**

Chính sách đã được ban hành và thực thi một cách hiệu quả, phù hợp với hệ thống các chính sách của nhà nước trung ương, đã khẳng định tính đúng đắn của quá trình chính sách cũng như tính khả thi cao của nó.

Các chính sách đã được ban hành đều được thực thi và mang lại kết quả. Các nguồn lực của địa phương được huy động đáp ứng được nhu cầu của sự phát triển, tính khả thi của các chính sách đã đề ra ở mức cao...

#### **2.4.3.6 Tính phù hợp của chính sách**

Các chính sách thu hút vốn đầu tư để phát triển công nghiệp tại địa phương đã ban hành trên cơ sở thực hiện các chủ trương, chính sách của nhà nước Trung ương, đồng thời là sự vận dụng tạo ra môi trường đầu tư thuận lợi cho sự phát triển công nghiệp của địa phương. Tính phù hợp thể hiện việc tuân thủ các chính sách của Trung ương, đồng thời có sự sáng tạo trong điều kiện cụ thể của địa phương trong khuôn khổ pháp luật cho phép.

## **2.5 ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ ĐỂ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP**

### **2.6.1 Những thành công trong thu hút các nguồn vốn đầu tư để phát triển công nghiệp**

- Trước hết, chính sự thay đổi về chính sách và cơ chế đầu tư trong những năm qua đã tạo được môi trường kinh doanh ngày càng lành mạnh cho sản xuất công nghiệp và từng bước đa công nghiệp chuyên sang hoạt động theo cơ chế thị trường;

- Việc huy động và phân bổ vốn được thực hiện xuất phát từ đường lối phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Công tác quản lý Nhà nước về công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp được tăng cường.

- Cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp được tập trung đầu tư hoàn chỉnh bước đầu đã phát huy tác dụng tích cực trong việc thu hút các chủ đầu tư cả trong và ngoài nước.

- Kinh tế tăng trưởng tương đối ổn định, thu nhập của dân cư từng bước cải thiện đã tăng khả năng tích lũy vốn cho nền kinh tế. Một phần tiết kiệm của dân cư được dùng cho đầu tư trực tiếp vào các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp có quy mô vừa và nhỏ hoặc phát triển sản xuất tiểu, thủ công nghiệp.

- Chủ trương khai thác tốt nhất các nguồn lực, kể cả nguồn lực tài chính và nguồn lực phi tài chính được thể chế hoá bằng một số biện pháp cụ thể như bố trí vốn đầu tư từ NSNN theo một cơ cấu hợp lý, khuyến khích đầu tư từ các doanh nghiệp và các tầng lớp dân cư, khai thác các tiềm năng từ quỹ đất, tạo cơ chế thông thoáng.

### **2.6.2 Những tồn tại trong thu hút các nguồn vốn đầu tư để phát triển công nghiệp**

- Xuất phát điểm về kinh tế của Quảng Ngãi thấp, khả năng tích lũy từ nội bộ yếu.

- Sản xuất công nghiệp của Quảng Ngãi phần lớn có quy mô nhỏ, khả năng tích tụ thấp, thiết bị và công nghệ chậm được đổi mới.
- Cơ sở hạ tầng yếu kém và không đồng bộ, không có nhiều lợi thế để phát triển công nghiệp, gây trở ngại cho việc phát huy nội lực và thu hút ngoại lực, đặc biệt là đối với các dự án đầu tư của nước ngoài.
- Những nguồn lực phi tài chính chưa thật sự trở thành nhân tố tích cực để có thể khai thác một cách hữu hiệu, phục vụ cho mục tiêu phát triển công nghiệp.
- Các chính sách khuyến khích đầu tư của tỉnh chưa thật sự đi vào thực tiễn; cuộc sống trong quá trình triển khai thực hiện.
- Các giải pháp tạo vốn cho đầu tư phát triển công nghiệp trong thời gian qua còn mang nặng tính truyền thống, chưa đa dạng và phong phú nên chưa tạo được sự đột phá rõ nét.
- Việc phân bổ vốn tuy có phù hợp với định hướng và quy hoạch nhưng nhiều doanh nghiệp còn thiếu sự hỗ trợ và hướng dẫn, chưa thật sự gặp thuận lợi trong triển khai sản xuất kinh doanh và đầu tư.

## KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Trong giai đoạn vừa qua Quảng Ngãi đã xây dựng được hệ thống chính sách nói chung và chính sách thu hút vốn đầu tư để phát triển công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi nói riêng khá đồng bộ. Trình độ xây dựng, hoạch định chính sách đã được nâng lên một bước cả về số lượng và chất lượng. Việc triển khai tổ chức thực hiện, việc tổng kết đánh giá đúc rút kinh nghiệm được tiến hành thường xuyên. Đội ngũ những người hoạch định chính sách cũng như đội ngũ cán bộ nói chung của nền kinh tế được nâng cao và trưởng thành hơn so với trước.

Nhờ có những chính sách phù hợp thúc đẩy kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi đã bước đầu đạt được những thành tựu nhất định. GDP có xu hướng tăng đều, các khu vực kinh tế đều duy trì được sự tăng trưởng đều đặn, không có khu vực nào biến động nghịch. Nhiều tư duy mới làm thay đổi tiếp cận chính sách và cách làm trong sản xuất công nghiệp. Có thể nói, các chính sách thu hút vốn đầu tư để phát triển công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi thời gian qua đóng vai trò quan trọng trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh. Chính sách thu hút vốn đầu tư để phát triển công nghiệp tại địa phương đã tác động thúc đẩy phát triển các khu vực sản xuất, bao gồm cả khu vực làng nghề truyền thống và các khu công nghiệp. Phát huy đa dạng nguồn vốn trong đầu tư, thu hút được số lượng lớn nguồn vốn từ bên ngoài cho phát triển.

Chương này đã tập trung nghiên cứu đánh giá thực trạng tác động của thu hút vốn đầu tư phát triển công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi trong giai đoạn 2001-2010. Từ phân tích, đánh giá kết quả, tìm ra các hạn chế và xác định các nguyên nhân của hệ thống chính sách thu hút vốn đầu tư để phát triển công nghiệp của tỉnh trong thời kỳ từ khi tái lập tỉnh đến nay. Luận văn đã rút ra bài học kinh nghiệm để giúp cho việc nghiên cứu những giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện chính sách; đồng thời đề xuất các kiến nghị ở chương tiếp theo.



## CHƯƠNG 3

# NHỮNG GIẢI PHÁP NHẪM THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ ĐỂ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI

### 3.1 BỐI CẢNH LỊCH SỬ

#### 3.1.1 Bối cảnh quốc tế và những tác động chủ yếu

*Thứ nhất*, xu thế toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.

*Thứ hai*, khoa học và công nghệ phát triển mạnh.

*Thứ ba*, xu hướng hoà bình, hợp tác và phát triển là xu hướng chủ đạo.

*Thứ tư*, thế giới đang trong tiến trình chuyển sang kinh tế tri thức.

#### 3.1.2 Những tác động trong nước

*Thứ nhất*, công cuộc đổi mới toàn diện và sâu sắc mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội đất nước.

*Thứ hai*, môi trường kinh doanh ổn định, thông thoáng.

*Thứ ba*, mục tiêu, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội được hoạch định phù hợp với xu thế phát triển của thời đại.

#### 3.1.3 Những thời cơ và thách thức

##### 3.1.3.1 Thuận lợi

i. Về điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý thuận lợi cùng với cơ chế, thể chế kinh tế từng bước được hoàn thiện.

ii. Hệ thống hạ tầng đã và đang phát triển.

iii. Đội ngũ cán bộ khoa học tại chỗ và khả năng thu hút từ các trung tâm kinh tế của cả nước và vùng kinh tế trọng điểm.

##### 3.1.3.2 Khó khăn, thách thức

i. Nền kinh tế địa phương ở điểm xuất phát thấp, quy mô tiết kiệm từ nội bộ còn nhỏ bé.

ii. Cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ và phát triển chưa theo kịp quy hoạch.

iii. Trình độ công nghệ còn thấp và sức cạnh tranh của các sản phẩm công nghiệp chưa cao.

iii. Nguồn nhân lực còn thiếu chiến lược phát triển nên chưa đáp ứng được sự tăng tốc của ngành công nghiệp cũng như nền kinh tế thời gian qua;

### **3.2. MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG VÀ QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI**

#### **3.2.1 Mục tiêu và định hướng phát triển công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi**

##### **3.2.1.1 Mục tiêu phát triển công nghiệp**

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn bình quân giai đoạn 2011-2020 là 13,2%/năm. Trong đó, tăng trưởng ngành NLNN tương ứng là 4,5%/năm và 4,0%/năm; DV: 15,0%/năm và 14,7%/năm; CN-XD: 31,0%/năm và 14,9%/năm.

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp (GTSXCN) sẽ đạt khoảng 17-18%/năm trong giai đoạn 2011 – 2015, và 10%/năm trong giai đoạn 2016 - 2020; GTSXCN đến năm 2015 đạt 40.000 tỷ đồng và đến năm 2020 đạt 64.000 tỷ đồng.

- Cơ cấu các ngành kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng CN và DV đến năm 2015, các ngành CN và DV sẽ chiếm khoảng từ 61-62%, và đến năm 2020 sẽ chiếm từ 67,3% trong cơ cấu kinh tế. Trong đó công nghiệp chiếm 60%.

- Từng bước xây dựng có chọn lọc một số ngành công nghiệp cơ bản, trọng yếu và cần thiết như: điện, khai thác và chế biến dầu khí, cơ khí, điện tử - tin học, hóa chất, luyện kim, tạo tiền đề thúc đẩy các ngành kinh tế khác cùng phát triển.

**Bảng 3.1 Các chỉ tiêu phát triển kinh tế-xã hội đến 2020**

Ngành kinh tế	GDP (Tỷ đồng, giá 1994)		Cơ cấu KT (% , giá HH)	
	2015	2020	2015	2020
<b>Tổng GDP</b>	<b>67.138</b>	<b>111.359</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>
<b>NLN nghiệp</b>	<b>10.535</b>	<b>8.319</b>	<b>25-26</b>	<b>7,5</b>
<b>CN-XD</b>	<b>38.131</b>	<b>66.980</b>	<b>61- 62</b>	<b>67,3</b>
<b>TM-DV</b>	<b>18.472</b>	<b>35.060</b>	<b>12-13</b>	<b>32,4</b>

### 3.2.1.2 Định hướng phát triển công nghiệp

i. Trong giai đoạn đến 2010 - 2015 tập trung phát triển mạnh các ngành công nghiệp lọc dầu và sau lọc dầu, cơ khí chế tạo, sản xuất kim loại, công nghiệp phục vụ kinh tế biển như công nghiệp hậu cần, vận tải biển..., cùng với công nghiệp hạ tầng như cung cấp điện, nước, gaz, dịch vụ xây dựng và một số ngành công nghiệp có lợi thế cạnh tranh như: Công nghiệp chế biến nông lâm sản, thực phẩm, đồ uống.

ii. Phát triển các khu, cụm công nghiệp đã được quy hoạch và hình thành trong giai đoạn 2001 - 2010 để thu hút các cơ sở sản xuất công nghiệp chế biến nông, lâm thủy sản, các cơ sở sản xuất vừa và nhỏ, sắp xếp lại lực lượng sản xuất trên địa bàn; tạo điều kiện phát triển tiểu thủ công nghiệp làng nghề, để thúc đẩy các khu vực khó khăn phát triển, cải thiện chênh lệch kinh tế giữa thành thị với nông thôn.

iii. Tập trung phát triển và mở rộng Khu kinh tế Dung Quất làm hạt nhân phát triển công nghiệp nặng, hình thành các vùng kinh tế công nghiệp động lực khác, để tạo dựng mối liên kết giữa vùng nguyên liệu chế biến với cơ sở sản xuất. Tập trung ưu tiên đầu tư vào những nơi có điều kiện thuận lợi về cơ sở hạ tầng, nguồn nguyên liệu và dịch vụ công nghiệp. Đồng thời, khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia phát triển CN - TTCN nhằm đa dạng hóa các sản phẩm công nghiệp.

iv. Hạt nhân của quá trình phát triển công nghiệp ở Quảng Ngãi là Khu kinh tế Dung Quất, cùng với tổ hợp lọc hóa dầu, tổ hợp công nghiệp nặng DOOSAN, nhà máy đóng tàu, Chuẩn bị một số khu, cụm công nghiệp phát triển theo hướng quần thể công nghiệp - thương mại - dịch vụ - khu dân cư.

### 3.3 NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ CHO NGÀNH CÔNG NGHIỆP

Dựa vào định hướng, mục tiêu phát triển được đề ra cho giai đoạn 2010 – 2015 và tầm nhìn đến năm 2020, dự báo nhu cầu vốn cho đầu tư phát triển công nghiệp giai đoạn 2010 - 2015 khoảng 160.000 tỷ đồng; trong đó nguồn vốn NSNN khoảng 48.000 tỷ đồng (chiếm 30% tổng vốn đầu tư); giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 279.000 tỷ đồng.

Bảng 3.3 Dự báo nhu cầu vốn tăng thêm hàng năm

ĐVT: Tỷ đồng

Năm	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Chỉ tiêu						
GDP (giá hiện hành)	29.465	36.181	45.454	57.196	72.077	90.956
Vốn đầu tư toàn XH	15.482	20.047	24.457	29.834	36.402	44.411
Vốn đầu tư phát triển công nghiệp	951	8.270	8.750	8.750	8.250	6.888

### 3.4 CÁC GIẢI PHÁP THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP

### **3.4.1. Hoàn thiện chính sách marketing địa phương để thu hút vốn đầu tư phát triển công nghiệp**

#### **3.4.1.1 Chính sách quảng bá hình ảnh địa phương**

(1) Phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý nhà nước như Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch.

(2) Cần phải chuẩn bị tốt chương trình hoạt động phối hợp và các nguồn lực để thực hiện.

#### **3.4.1.2 Đổi mới phương thức xúc tiến đầu tư**

Tăng cường và đa dạng hóa các hoạt động xúc tiến đầu tư, đề xuất các cơ chế, chính sách phát triển các khu vực động lực về kinh tế, phát triển dịch vụ, du lịch, tài chính, đào tạo nhân lực,...

#### **3.4.1.3 Chính sách hỗ trợ đầu tư**

Hiện tại những chế độ ưu đãi mà tỉnh công bố trước đây đã có nhiều chế độ không thực sự phù hợp và tác dụng kích thích thấp, tỉnh cần phải nghiên cứu và đưa ra danh mục ưu đãi đầu tư mới.

Hiện nay việc đào tạo lao động của các doanh nghiệp do doanh nghiệp tự đào tạo và chịu toàn bộ chi phí đào tạo nghề. Chính vì vậy tỉnh cần phải có chính sách hỗ trợ chi phí cho doanh nghiệp hay tổ chức đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp công nghiệp.

### **3.4.2 Hoàn thiện chính sách thu hút vốn đầu tư**

#### **3.4.2.1 Thu hút vốn đầu tư trong nước**

(1) Thu hút vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước

(2) Vay từ ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng đầu tư trên địa bàn thuộc hệ thống ngân hàng phát triển

(3) Thành lập Quỹ đầu tư phát triển của tỉnh

(4) Huy động vốn đầu tư của các doanh nghiệp.

#### **3.4.2.2 Thu hút vốn đầu tư nước ngoài**

(1) Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

- Xây dựng chiến lược xúc tiến đầu tư theo hướng khuyến khích thu hút đầu tư đối với các dự án có thâm dụng công nghệ cao, công nghệ sạch... để thực hiện các dự án đầu tư ưu tiên của tỉnh.

- Cải thiện môi trường đầu tư nước ngoài bằng cách tăng cường tính minh bạch chiến lược, cơ chế chính sách, nhất là các chính sách ưu đãi của địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài giảm thiểu chi phí gia nhập môi trường đầu tư tại địa phương.

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ, tập trung vốn đầu tư các công trình ngoài hàng rào các khu, cụm công nghiệp theo quy hoạch đã được duyệt để tạo điều kiện cho các nhà đầu tư đẩy nhanh quá trình thực hiện dự án.

(2) Thu hút vốn viện trợ phát triển chính thức (ODA)

- Căn cứ vào những lĩnh vực ưu tiên của từng nhà tài trợ để rà soát các dự án đầu tư theo quy hoạch, chiến lược đầu tư trên địa bàn được Trung ương phê duyệt để tập trung chuẩn bị hoặc phối hợp với các cơ quan Trung ương tiến hành chuẩn bị chu đáo, đáp ứng tốt nhất các yêu cầu của nhà tài trợ.

- Chủ động phối hợp với chủ đầu tư xử lý các vấn đề liên quan đến công tác đền bù, giải phóng mặt bằng thi công; phối hợp tích cực với các Bộ, Ngành TW và chủ dự án quản lý các dự án ODA có hiệu quả, nhất là phối hợp giải ngân phần vốn đối ứng

### *(3) Thu hút vốn đầu tư tư nhân theo phương thức BOT*

Thu hút và khuyến khích khu vực tư nhân tham gia đầu tư vào lĩnh vực đầu tư CSHT là yếu tố cơ bản để giải quyết nhu cầu vốn đầu tư các dự án phát triển kinh tế, từ đó giúp nhà nước sẽ tiết kiệm được ngân sách dành cho các chương trình xã hội cần thiết khác.

### *(4) Nguồn viện trợ không hoàn lại*

Muốn công việc chuẩn bị tiếp nhận và quản lý nguồn viện trợ được tốt, tỉnh cần tập hợp một nhóm chuyên viên nghiên cứu và quản trị dự án đầu tư thuộc nguồn vốn tài trợ không hoàn lại đáp ứng yêu cầu của nhà tài trợ.

## **3.4.3 Cải thiện điều kiện thu hút vốn đầu tư phát triển công nghiệp**

### **3.4.3.1 Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, gắn quy hoạch với kế hoạch chuyển dịch cơ cấu kinh tế**

Rà soát lại các quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH trong từng huyện, thành phố và tỉnh.

Sớm hoàn thiện và công khai quy hoạch các cụm công nghiệp nhỏ.

Thực hiện một số chính sách ưu đãi về thuế, thuê đất, tiền thu từ đất để khuyến khích đầu tư theo quy hoạch chuyển đổi cơ cấu kinh tế.

### **3.4.3.2 Tiếp tục hoàn thiện cơ sở hạ tầng**

Trong đó, tập trung vào những dự án lớn như đường cao tốc Bắc – Nam qua Quảng Ngãi đoạn Đà Nẵng – Quảng Ngãi, đường cao tốc Đà Nẵng – Dung Quất. Cảng Dung Quất đã được nâng công suất lên để phục vụ cho sự phát triển Khu kinh tế Dung Quất nhưng cơ sở hạ tầng phục vụ vẫn còn kém và cần phải nâng cấp cơ sở hạ tầng để phục vụ phát triển cho công nghiệp của tỉnh.

Bên cạnh đó mở rộng khai thác Sân bay Chu Lai bằng nhiều tuyến bay khác nhau thay vì chỉ có hai đường bay hiện nay. Đẩy nhanh việc thực hiện mục tiêu sử dụng sân bay này như Trung tâm trung chuyển vận tải hàng hóa, dịch vụ hành không.

Tiếp tục hoàn thiện kết cấu hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp ở nông thôn, các làng nghề truyền thống; hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư vào khu vực nông thôn.

### **3.4.3.3 Đào tạo nguồn nhân lực**

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực cho giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025.

- Phát triển một số cơ sở đào tạo lao động trên địa bàn, đồng thời phát triển xuất khẩu lao động theo hướng tu nghiệp nhằm đào tạo lực lượng lao động.

- Xây dựng và triển khai thực hiện đồng bộ chính sách đào tạo, thu hút và giữ chân lao động, đặc biệt là lao động có trình độ.

- Mở rộng mạng lưới đào tạo nghề và thay đổi cơ cấu đào tạo nghề theo nhu cầu của thị trường lao động. Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề theo hướng xã hội hóa, đa dạng hóa hình thức đào tạo, linh hoạt và thiết thực. .

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về kiến thức hội nhập kinh tế và các kiến thức liên quan đến vấn đề hội nhập .

### **3.4.3.4 Hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng phục vụ đầu tư**

Tài trợ thích đáng cho hoạt động nghiên cứu ứng dụng theo đơn đặt hàng từ các nhà doanh nghiệp, từ các cơ quan quản lý Nhà nước, áp dụng những chính sách ưu đãi khuyến khích các doanh nghiệp góp phần tài trợ và áp dụng thử nghiệm các công trình nghiên cứu khoa học, kỹ thuật cao, kỹ thuật tiên tiến, tổ chức các hình thức giao lưu giữa giới nghiên cứu và giới doanh nhân để các hoạt động nghiên cứu có tác dụng mạnh mẽ vào các lĩnh vực đầu tư, sản xuất, kinh doanh.

#### **3.4.3.5 Cải tiến thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư, tiếp tục hoàn thiện cơ chế và chính sách quản lý đầu tư**

Đơn giản hóa các thủ tục xin giấy phép thành lập doanh nghiệp, tăng cường xét duyệt chặt chẽ các dự án nghiên cứu khả thi khi thành lập doanh nghiệp hoặc mở rộng quy mô doanh nghiệp Nhà nước, công ty cổ phần. Công tác cải cách thủ tục hành chính cần phải thực hiện cụ thể như sau:

##### *i. Hoàn thiện thủ tục hành chính sau giấy phép*

Các thủ tục sau giấy phép đầu tư cần được cải cách theo hướng đơn giản, công khai, minh bạch và giảm phiền hà, rút ngắn được thời gian cho doanh nghiệp, bao gồm: Thủ tục liên quan đến giao, cho thuê đất, thủ tục về xây dựng, thủ tục về quản lý môi trường (đánh giá tác động môi trường, đăng ký môi trường), các thủ tục về cấp mã số thuế, mã số hải quan...

##### *ii. Hoàn thiện các thủ tục hành chính trong hoạt động SXKD*

###### *- Về cải cách thủ tục hải quan:*

+ Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phẩm chất đạo đức của đội ngũ công chức ngành hải quan.

+ Các thủ tục và quy trình thông quan phải thống nhất, đơn giản, minh bạch, phù hợp với chuẩn mực và thông lệ quốc tế nhằm đạt được kết quả tích cực là giảm bớt phiền hà và thời gian cho doanh nghiệp;

+ Hiện đại hóa và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của ngành hải quan.

###### *- Về cải cách thủ tục về thuế*

+ Đẩy mạnh việc thực hiện cải cách thủ tục hành chính thuế ở tất cả các khâu trong quy trình hoạt động của ngành thuế theo hướng giảm phiền hà và thời gian cho đối tượng nộp thuế;

+ Tăng cường việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của ngành thuế. Xây dựng cơ sở dữ liệu về các đối tượng nộp thuế, thu nộp thuế qua mạng internet.

+ Hoàn thiện và nâng cao chất lượng hoạt động tuyên truyền, hỗ trợ các đối tượng nộp thuế.

###### *- Thành lập Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp*

#### **3.4.3.6 Đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch đầu tư**

- Tăng cường cán bộ, sắp xếp những người có đủ năng lực chuyên môn và khả năng điều hành thực hiện kế hoạch đầu tư.

- Đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành theo hướng tăng cường phân cấp quản lý hơn nữa cho các ngành và địa phương.

- Nâng cao trách nhiệm, chất lượng đội ngũ cán bộ ở các ngành và địa phương, xây dựng chế độ kiểm tra, kiểm soát và giám sát cụ thể trong việc xây dựng dự án, lựa chọn dự án, tổng hợp kế hoạch, triển khai thực hiện.

#### ***.4.3.7 Phát triển thích ứng thị trường trái phiếu***

Hình thức huy động vốn trong nước phổ biến hiện nay của chính quyền địa phương là phát hành trái phiếu xây dựng công trình. Do đó, đề nghị Chính phủ, các Bộ, ngành có liên quan tạo điều kiện thật tốt để thị trường trái phiếu hoạt động có hiệu quả nhằm tạo thuận lợi cho chính quyền địa phương phát hành trái phiếu xây dựng công trình kết cấu hạ tầng và nhà đầu tư dễ dàng chuyển hóa đồng vốn của mình để đa dạng hóa hình thức đầu tư vốn.

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 3**

### **1. Kết luận**

Công nghiệp Quảng Ngãi đang và sẽ có một vai trò rất quan trọng trong sự phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh, của Vùng KTTĐMT cũng như trong phát triển công nghiệp của cả nước. Sự phát triển hiệu quả, bền vững, thân thiện với môi trường, trên cơ sở khai thác tốt mọi nguồn lực, đặt ra cho ngành công nghiệp Quảng Ngãi trong giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn 2025 một trách nhiệm to lớn, cần rất nhiều nỗ lực phối hợp của các cấp chính quyền, cộng đồng doanh nghiệp, sự đồng thuận của nhân dân và sự quan tâm giúp đỡ sâu sắc, tác động đồng bộ, nhất quán, có hiệu quả của Chính phủ và các Bộ, Ngành Trung ương.

Phát triển công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi dựa trên chiến lược phát triển chung của cả nước, của các tỉnh thuộc Vùng KTTĐMT, Tây Nguyên, chiến lược phát triển các ngành công nghiệp chủ yếu của Bộ Công Thương và đặc biệt xuất phát từ phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2011-2020, tầm nhìn 2025, nhằm vạch ra một hành lang phát triển của công nghiệp trên địa bàn trong tương lai, với mục tiêu trở thành một tỉnh công nghiệp sớm trước năm 2020.

### **2. Kiến nghị**

Để ngành công nghiệp Quảng Ngãi nói riêng và cả nước nói chung phát triển theo hướng hiệu quả, bền vững và đảm bảo công bằng xã hội, kiến nghị Chính phủ các vấn đề sau:

2.1 Tiếp tục hoàn thiện và phân cấp quản lý các Khu công nghiệp theo hướng gia tăng trách nhiệm của Ủy ban Nhân dân tỉnh và Ban Quản lý các khu công nghiệp nhằm giảm bớt các thủ tục hành chính không cần thiết phải qua các Bộ, Ngành Trung ương.

2.2 Tiếp tục hoàn thiện và ban hành thông tư hướng dẫn quy chế xây dựng và quản lý các cụm công nghiệp thống nhất trong cả nước.

2.3 Ban hành chính sách hỗ trợ di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm ra khỏi khu đô thị, đông dân cư.

2.4 Ban hành Nghị định riêng về chính sách ưu đãi các doanh nghiệp đổi mới công nghệ thay thế cho các văn bản hiện hành theo hướng thật sự khuyến khích các doanh nghiệp đổi mới công nghệ.

2.5 Tạo điều kiện cho Nhà máy lọc dầu Dung Quất sản xuất 100% công suất ổn định và tiếp tục được mở rộng công suất lên 10 triệu tấn/năm hoặc cao hơn nữa nhằm gia tăng hiệu quả kinh tế của công trình này.

2.6 Ưu tiên cho các nhà máy cơ khí đóng tàu, công nghiệp nặng DOOSAN được tham gia vào các dự án phát triển nhiệt điện, nồi hơi cao áp, trang thiết bị cảng biển... để mở rộng đầu ra, phát huy hết năng lực chế tạo hiện có.

2.7 Hỗ trợ, tạo điều kiện để mở rộng Khu kinh tế Dung Quất cùng với hệ thống hạ tầng đồng bộ.



2.8 Trích lại tỷ lệ nộp ngân sách hợp lý để địa phương có điều kiện kinh phí phát triển cơ sở hạ tầng đồng bộ phục vụ cho việc phát triển công nghiệp trong tương lai.

## **KẾT LUẬN**

Quảng Ngãi trong những năm gần đây, kinh tế tăng trưởng ở tốc độ cao, cơ cấu chuyển dịch theo hướng công nghiệp tăng nhanh. Công nghiệp phát triển đã là động lực, tạo ra bước đột phá cho nền kinh tế của tỉnh Quảng Ngãi. Kết quả đó gắn liền với quá trình thu hút vốn đầu tư vào địa bàn của tỉnh trong những năm qua. Hoạt động thu hút vốn đầu tư vào các KCN đã góp phần quan trọng đưa Quảng Ngãi từ tỉnh thuần nông, kinh tế, công nghiệp nhỏ bé, vươn lên xếp hạng thứ 7 trong số 63 tỉnh, thành phố cả nước về sản xuất công nghiệp.

Tuy nhiên trong điều kiện hiện nay việc thu hút vốn đầu tư để phát triển công nghiệp đang gặp khó khăn, tốc độ bị chậm lại, chưa thực sự phát huy hết thế mạnh và tương xứng với tiềm năng của Quảng Ngãi, ảnh hưởng rất lớn và trực tiếp tới quá trình phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh, nó đang đòi hỏi một cơ chế hoàn chỉnh về thu hút vốn đầu tư để phát triển công nghiệp, nhất là công nghiệp phụ trợ, công nghiệp địa phương.

Trên đây luận văn đã trình bày một cách khái quát về thực trạng phát triển công nghiệp địa phương, về các KCN của tỉnh Quảng Ngãi. Các quá trình hình thành và phát triển, các chính sách thu hút vốn đầu tư để phát triển công nghiệp, các kết quả thu hút vốn đầu tư, thực trạng, những mặt tích cực, hạn chế và những nguyên nhân. Trên cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn thành công của một số quốc gia và địa phương trong việc thu hút vốn đầu tư để phát triển công nghiệp, luận văn đã đề ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện cơ chế thu hút vốn đầu tư để phát triển công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi trong điều kiện hiện nay.

Để giải quyết thỏa đáng vấn đề trên đòi hỏi phải có nhiều thời gian nghiên cứu công phu. Mặc dù đã có nhiều cố gắng tuy nhiên do trình độ của bản thân và thời gian nghiên cứu có giới hạn, vì thế luận văn không thể tránh khỏi một số thiếu sót, nhưng ý nghĩa của luận văn sẽ có những đóng góp nhất định cho những nhà hoạch định chính sách của Quảng Ngãi. Mong nhận được sự chỉ dẫn, góp ý của các nhà khoa học, quý thầy cô và bạn đọc để luận văn hoàn thiện hơn.

Cuối cùng tôi xin chân thành cảm ơn PGS.TS Bùi Quang Bình, các thầy cô Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng, Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế, Cục Thống Kê tỉnh Quảng Ngãi đã giúp tôi hoàn thành luận văn này./.